

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 193^A/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 19/3/2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)*

Tên ngành, nghề: Quản lý tài nguyên và môi trường

Mã ngành, nghề: 5850103

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: 0,5 năm (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ thuật viên quản lý tài nguyên và môi trường trình độ trung cấp, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

- + Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đáp ứng yêu cầu công việc.
- + Nắm vững kiến thức quản lý môi trường dựa trên các công cụ luật pháp, chính sách, kinh tế, truyền thông và kỹ thuật quản lý đang được áp dụng trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội.
- + Nắm vững kiến thức về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Có kiến thức, hiểu biết về luật pháp, có khả năng thực hiện thanh tra, kiểm tra các vấn đề về tài nguyên và môi trường.
- + Nắm vững các kiến thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
- + Nắm vững được kiến thức cơ bản về quan trắc và phân tích môi trường.

- Kỹ năng

- + Biết lập kế hoạch, tổ chức thực hiện được thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp và khiếu nại tố cáo về tài nguyên và môi trường.

- + Lập được kế hoạch và tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường
- + Biết cách quản lý tài nguyên và môi trường có hiệu quả, phát triển bền vững
- + Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu phục vụ công tác quy hoạch môi trường.
- + Tư vấn, đưa ra được các biện pháp xử lý môi trường hiệu quả, đạt tiêu chuẩn môi
- + Biết quan trắc và phân tích các thành phần môi trường cơ bản
- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.
- + Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.
- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.
- + Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;
- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;
- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;
- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

- + Cán bộ môi trường cấp xã;
- + Cán bộ tài nguyên môi trường cấp huyện, tỉnh;
- + Cán bộ kỹ thuật tại các công ty tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- + Cán bộ kỹ thuật tại phòng an toàn môi trường của các nhà máy, xí nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên
- + Cán bộ kỹ thuật môi trường tại các trang trại, xí nghiệp, cơ sở chăn nuôi gia súc gia cầm...

+ Cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học, mô đun: 24
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1410 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 482 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 858 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
LAW111(MH)	Pháp luật	1	15	9	5	1
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MIE121(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
GIF121(MH)	Tin học	2	45	15	29	1
ENG141(MH)	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
	Tổng (I)	12	255	94	148	13
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
FES221(MH)	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	28	0	2
NAR221(MH)	Tài nguyên thiên nhiên	2	30	28	0	2
MIE221(MH)	Vi sinh vật môi trường	2	30	28	0	2
BDI221(MH)	Đa dạng sinh học	2	30	28	0	2
EMA231(MH)	Quản lý môi trường	3	45	42	0	3
ETE 231(MH)	Công nghệ môi trường	3	45	42	0	3
ECH 231(MH)	Hóa môi trường	3	45	42	0	3
	Tổng (II.1)	17	255	238	0	17
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
LEP331(MĐ)	Luật và chính sách môi trường	3	75	15	56	4
EIA331(MĐ)	Đánh giá tác động môi trường	3	75	15	56	4
WTT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	75	15	56	4

EAI331(MĐ)	Thanh tra và kiểm toán MT	3	75	15	56	4
TEN321(MĐ)	Độc học môi trường	2	45	15	26	4
EPO331(MĐ)	Ô nhiễm môi trường	3	75	15	56	4
SWT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	3	75	15	56	4
IPL331(MĐ)	Quy hoạch môi trường	3	75	15	56	4
WRM331(MĐ)	Quản lý tài nguyên nước	3	75	15	56	4
ENM331(MĐ)	Quan trắc môi trường	3	75	15	56	4
PRE441(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	4	180	0	180	0
	Tổng (II.2)	33	900	150	710	40
	Tổng (II)	50	1155	388	710	57
	Tổng cộng	62	1410	482	858	70

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số: 60,9%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm): 1358 giờ. (Trong đó: Giờ thực tập trải nghiệm = 800 giờ).

- Quy định về thời lượng:

+ 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+ 1 giờ học lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS
NGÀNH NGHỀ: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF121(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG141(MH)	Ngoại ngữ	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
FES221(MH)	Cơ sở khoa học môi trường	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
NAR221(MH)	Tài nguyên thiên nhiên	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
MIE221(MH)	Vi sinh vật môi trường	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
BDI221(MH)	Đa dạng sinh học	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
EMA231(MH)	Quản lý môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			
ETE 231(MH)	Công nghệ môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			

ECH 231(MH)	Hóa môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			
	Tổng (II.1)		17	255	238	0	17	255	0	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
LEP331(MĐ)	Luật và chính sách môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4	75			
EIA331(MĐ)	Đánh giá tác động môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
WTT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý nước thải	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
EAI331(MĐ)	Thanh tra và kiểm toán MT	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
TEN321(MĐ)	Độc học môi trường	Tích hợp	2	45	15	26	4		45		
EPO331(MĐ)	Ô nhiễm môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
SWT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
IPL331(MĐ)	Quy hoạch môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
WRM331(MĐ)	Quản lý tài nguyên nước	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
ENM331(MĐ)	Quan trắc môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
	Học văn hóa		4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		33	900	150	710	40	75	345	300	180
	Tổng (II)		50	1155	388	710	57	330	345	300	180
	Tổng cộng		62	1410	482	858	70	420	465	345	180
	Tổng giờ theo HK							420	465	345	180

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT
NGÀNH NGHỀ: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG131(MH)	Ngoại ngữ	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
FES221(MH)	Cơ sở khoa học môi trường	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
NAR221(MH)	Tài nguyên thiên nhiên	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
MIE221(MH)	Vi sinh vật môi trường	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
BDI221(MH)	Đa dạng sinh học	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
EMA231(MH)	Quản lý môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			
ETE 231(MH)	Công nghệ môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			

ECH 231(MH)	Hóa môi trường	Lý thuyết	3	45	42	0	3	45			
	Tổng (II.1)		17	255	238	0	17	255	0	0	0
II.2 Môn học, mô đun chuyên môn											
LEP331(MĐ)	Luật và chính sách môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4	75			
EIA331(MĐ)	Đánh giá tác động môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
WTT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý nước thải	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
EAI331(MĐ)	Thanh tra và kiểm toán MT	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
TEN321(MĐ)	Độc học môi trường	Tích hợp	2	45	15	26	4			45	
EPO331(MĐ)	Ô nhiễm môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4		75		
SWT331(MĐ)	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
IPL331(MĐ)	Quy hoạch môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
WRM331(MĐ)	Quản lý tài nguyên nước	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
ENM331(MĐ)	Quan trắc môi trường	Tích hợp	3	75	15	56	4			75	
PRE441(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	Thực hành	4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		33	900	150	710	40	75	300	345	180
	Tổng (II)		50	1155	388	710	57	330	300	345	180
Tổng cộng			62	1410	482	858	70	420	420	390	180
Tổng giờ theo HK								420	420	390	180

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 654*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và *Quyết định 654*.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng